

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy của Công ty TNHH Chăn nuôi Cẩm Châu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH chăn nuôi Cẩm Châu;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH chăn nuôi Cẩm Châu; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án*

*nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 26/CV-CC ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH chăn nuôi Cẩm Châu;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 377/Tr-STNMT ngày 29/4/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công của Công ty TNHH Chăn nuôi Cẩm Châu (*sau đây gọi là Chủ dự án*) thực hiện tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Công ty TNHH Chăn nuôi Cẩm Châu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy của Công ty TNHH Chăn nuôi Cẩm Châu**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin chung dự án:**

**1.1. Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn thịt gia công tại xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy.

**1.2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Chăn nuôi Cẩm Châu

- Đại diện: ông Lê Huy Liên

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0393.178.519

- Địa chỉ liên lạc: thôn Đồng Thanh, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

**1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:**

- Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng: Tổng diện tích khoảng 60.000,0m<sup>2</sup>; trong đó: đất xây dựng chuồng nuôi các công trình phục vụ dự án là 16.389,0m<sup>2</sup>; đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và khu cây xanh cách ly là 43.611,0 m<sup>2</sup>.

- Công suất chăn nuôi: 24.000 con lợn thịt/năm (2 lứa/năm).

**1.4. Các hạng mục công trình:**

- Các hạng mục công trình: 05 chuồng lợn thịt, 01 chuồng lợn cách ly.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 kho cám, dụng cụ; 01 nhà điều hành; 01 nhà ăn nghỉ ca công nhân; 01 nhà sát trùng xe; 01 nhà để xe; 01 nhà rửa ủng; 01 nhà nhập xuất lợn và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 hầm Biogas, 01 trạm xử lý nước thải, 02 ao sinh học, 01 khu hủy xác lợn, 01 nhà chứa chất thải; các hạng mục công trình thu gom, xử lý chất thải...

**2. Các tác động môi trường chính của dự án**

**2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

**2.1.1. Các tác động môi trường chính:**

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, sinh hoạt của công nhân và nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực dự án.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, trút đổ nguyên vật liệu; hoạt động thi công; hoạt động của phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển,...

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng tại dự án; chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân dự án; quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị thi công.

### *2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 3,0 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 1,3m<sup>3</sup>/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 1,7m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 4,0 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm cặn lơ lửng, dầu mỡ...

### *2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng và xây dựng các công trình phục vụ chăn nuôi tại trang trại.

### *2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 18,5kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: Thực vật phát quang khoảng 30,0 tấn; Đất bóc phong hóa, đất đào thừa có tổng khối lượng là 9.030,4 m<sup>3</sup>; Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ... khoảng 212,0 tấn.

### *2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 24,0kg; thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,....

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 61,0 lít/tổng thời gian thi công; thành phần chủ yếu là dầu máy thải.

## **2.2. Giai đoạn vận hành:**

### *2.2.1. Các tác động môi trường chính:*

- Tác động đến môi trường nước: Nước mưa chảy tràn, nước thải từ quá trình chăn nuôi, nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên; chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên; quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi.

### *2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: Lượng nước thải sinh hoạt:  $4,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ; trong đó nước tắm giặt:  $1,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ; nước thải nhà bếp:  $1,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ; nước thải vệ sinh:  $1,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải chăn nuôi: Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất khoảng  $169,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Thành phần chủ yếu gồm nước tiểu của lợn, nước ép phân, nước vệ sinh chuồng nuôi và một phần phân thải...

### 2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Mùi hôi từ các chuồng nuôi; mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn; Khí thải phát sinh từ hầm biogas; Mùi, khí thải từ quá trình chứa và ủ phân; Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm; Khí thải từ khu vực xử lý nước thải và hồ thu phân; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng. Khí thải có thành phần chủ yếu là  $\text{CO}$ ,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{SO}_2$ ;  $\text{NH}_3$ ;  $\text{H}_2\text{S}$ ;...

### 2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng  $40,0\text{kg}/\text{ngày}$ ; thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi: Bao bì vỏ đựng thức ăn chăn nuôi, vỏ bao bì, chai lọ đựng hóa chất, thuốc thú y phát sinh hàng ngày khoảng  $50,0\text{kg}/\text{ngày}$ ; lượng phân lợn sau máy ép phân khoảng  $14.256,0\text{ kg}/\text{ngày}$ ; bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải khoảng  $86,7\text{m}^3/\text{năm}$ ; lợn ốm chết phát sinh khoảng  $120\text{ con}/\text{năm}$ .

### 2.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng  $10\text{kg}/\text{tháng}$ ; thành phần chính gồm bóng đèn neon bị vỡ, hỏng, bơm kim tiêm, vỏ thuốc, chất tẩy rửa...;

- Chất thải lỏng nguy hại: Khối lượng dầu thải thay định kỳ (một năm thay 02 lần) ước tính khoảng  $15\text{ lít}/\text{lần}$ .

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 3.1. Giai đoạn xây dựng

#### 3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm: Thường xuyên nạo vét khơi thông cống rãnh để tránh ngập úng và ách tắc dòng chảy tại khu vực dự án với tần suất 03 tháng/lần; Thi công theo hình thức cuốn chiếu để giảm thiểu hiện tượng ngập cục bộ cũng như đất cát cuốn theo nước mưa vào nguồn tiếp nhận; Nhà thầu thi công cần phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Đối với nước từ tắm rửa, giặt giũ có nồng độ các chất ô nhiễm không cao, thu gom vào rãnh thoát và thải trực tiếp vào khe cạn phía Tây Bắc dự án;

+ Đối với nước thải từ nhà vệ sinh, bố trí 02 nhà vệ sinh truyền thống để thu gom và xử lý nước thải.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Được thu gom bằng rãnh thu gom tạm thời định hướng dòng chảy về hố lắng có thể tích  $6,0m^3$  để lắng cặn trước khi thải ra khe cạn phía Tây Bắc dự án.

### 3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án, nguồn nước được lấy từ nước giếng khoan trong khu vực dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

- Chủ đầu tư trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với Tổ môi trường địa phương thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

#### b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Đối với đất đào được sử dụng để tôn cao nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực chân đồi trong khu vực dự án; đất, đá thải, gạch,... được sử dụng để san gạt tại các vị trí trống; tiến hành lu lèn chặt để đảm bảo sự tiêu thoát nước tốt tại khu vực dự án.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với sinh khối thực vật phát quang: thân và cành cây keo có thể xuất bán cho nhà máy chế biến gỗ công nghiệp trên địa bàn; cành, lá, rễ cây được thu gom và hợp đồng với Tổ môi trường tại địa phương vận chuyển đưa đi xử lý;

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng được thu gom vào 01 thùng chứa có thể tích 100 lít có nắp đậy, dán nhãn đặt tại góc của kho chứa; Chất thải rắn nguy hại như giẻ lau dính dầu được thu gom vào 01 thùng phi có nắp đậy dung tích 100 lít lưu giữ tại kho chứa có diện tích khoảng  $3,0m^2$  gần khu vực lán trại.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

## 3.2. Giai đoạn vận hành

### 3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm: Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương xây bằng gạch B400, B600; trên hệ thống thu gom bố trí các hố ga để lắng cặn vào hồ chứa trước khi thải ra môi trường bên ngoài; giải pháp thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

*b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ quá trình tắm, giặt được thu gom bằng các đường ống riêng sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý; nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom và xử lý qua bể tách dầu mỡ và dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý; nước dội nhà vệ sinh tại các khu nhà được thu gom và xử lý qua hệ thống các bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi: Nước thải → Hồ thu nước thải → Máy ép phân → Biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung ( $200m^3/ng.đêm$ ) → Ao sinh học số 1 → Ao sinh học số 2 → Hồ khử trùng → Một phần tái sử dụng để rửa chuồng trại, lượng nước còn lại thải ra khe cạn phía Tây Bắc dự án.

*Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải tập trung, công suất  $200m^3/ngày.đêm$ :*  
Nước thải sau Biogas + Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng 1 → Bể phản ứng hóa lý → Bể lắng hóa lý → Bể lọc cát

***Bảng tổng hợp chỉ tiêu kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải***

TT	Tên công trình	Số lượng	Thể tích xây dựng theo phương án đầu tư xây dựng ( $m^3$ )	Kết cấu công trình
1	Biogas	01	7.756,0	Phủ bạt, có lót đáy và thành kè đá hộc
2	Hệ thống XLNT tập trung	01	600 $m^2$	Đáy bê tông, tường gạch chi đặc
-	Bể điều hòa	01	75,0	
-	Bể thiếu khí	01	100,0	
-	Bể Aerotank	01	80,0	
-	Bể lắng 1	01	50,0	
-	Bể phản ứng hóa lý	01	16,0	
-	Bể lắng hóa lý	01	50,0	
-	Bể lọc cát	01	50,0	
3	Ao sinh học số 1	01	9.040,95 (trương đương $3.013,65 m^2$ )	Phủ bạt, có lót đáy và thành kè đá hộc
4	Ao sinh học số 2	01	6.010,17 (trương đương $2.003,39 m^2$ )	Phủ bạt, có lót đáy và thành kè đá hộc
5	Hồ khử trùng	01	2,0	Đáy có lớp chống thấm, tường gạch chi đặc

- Nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Khi xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại ao sinh học số 02, đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong 30 ngày. Chủ đầu tư có trách nhiệm khẩn trương khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải, cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường, kịp thời báo cáo chính quyền và đơn vị có thẩm quyền khi có sự cố xảy ra.

*3.2.2. Về bụi, khí thải:*

- Đối với khí thải từ chuồng nuôi:

+ Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải tránh ứ đọng trong chuồng nuôi với tần suất 02 lần/ngày;

+ Thường xuyên phun chế phẩm sinh học để khử mùi cho khu vực chuồng trại;

+ Bổ sung men vi sinh vào thức ăn chăn nuôi cho lợn để tăng hiệu quả trong quá trình tiêu hóa cũng như hấp thụ thức ăn giúp giảm mùi từ phân thải;

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi tạo bóng mát, điều hòa không khí, đồng thời hạn chế mùi phát tán ra ngoài môi trường;

+ Phía cuối dãy mỗi ô chuồng nuôi sau quạt hút mùi, bố trí khu xử lý có diện tích khoảng 15m<sup>2</sup>, bên trong buồng xử lý khí thải lắp đặt hệ thống dàn phun mưa để dung dịch hấp thụ qua các lỗ tạo thành các hạt sương, khi tiếp xúc sẽ hấp thụ các khí thải phát sinh từ chuồng nuôi.

- Đối với khí thải từ khu xử lý chất thải: Phân sau ép được phun chế phẩm EM sau đó đóng bao và chuyển cho nhà ủ phân; phun chế phẩm EM để khử mùi xung quanh nhà chứa phân, hệ thống xử nước thải; hệ thống xử lý chất thải được xây dựng kiên cố và đủ công suất để xử lý; định kỳ hút bùn cặn trong hầm Biogas và ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải.

- Đối với khí sinh học: Sử dụng thiết bị xử lý khí H<sub>2</sub>S, khí thu được làm nhiên liệu phục vụ hoạt động đun nấu, lượng khí thừa phát sinh sẽ được đốt bỏ.

*3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 10 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng, có nắp đậy. Các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, ... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn; các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải rắn trong hoạt động chăn nuôi: Bao bì thức ăn được tận dụng làm bao chứa phân; Chai lọ đựng hóa chất khử trùng, thuốc thú y được thu gom về kho chứa sau đó trả lại cho Công ty cung cấp;

- Đối với phân lợn: Được thu gom về bể thu nước thải và bơm lên máy ép để tách nước nhằm giảm thể tích khu chứa và ủ phân. Phân sau khi ép tách nước sẽ được phun chế phẩm sinh học EM đóng bao và được chuyển về nhà ủ phân. Phân sau khi ủ tại kho chứa một phần được sử dụng để bón cho cây trồng trong trang trại, phần còn lại được xuất bán cho nhà máy phân bón trên địa bàn tỉnh;

- Đối với lợn ốm chết:

+ Bố trí khu vực chuồng cách ly xa khu vực chăn nuôi lợn khỏe mạnh (*vị trí ở ô chuồng nuôi góc cuối của mỗi chuồng để điều trị*), xung quanh khu vực chuồng cách ly lợn ốm rải vôi bột và phun thuốc khử trùng tránh làm lây lan dịch bệnh sang các con khỏe;



+ Lợn chết không do dịch bệnh (*do chết ngộp, còi cọc*) được vận chuyển đến khu hủy xác để ủ làm phân bón (ủ bằng mùn cưa/trấu, có phun chế phẩm sinh học, hóa chất khử mùi; thời gian ủ từ 03-06 tháng);

+ Lợn ốm, chết do dịch bệnh: Tiêu hủy tại hố hủy xác có diện tích 498,8m<sup>2</sup> nằm ở phía Tây khu đất (*tại hố hủy xác được rắc vôi bột; cho xác lợn chết xuống hố và rải lớp vôi bột lên lớp xác lợn chết với lượng vôi bột phụ thuộc vào lượng lợn chết; lấp đất hố hủy xác, rắc vôi bột với lượng 0,8 - 1 kg/m<sup>2</sup> hoặc phun dung dịch chlorine 2% với lượng 0,2 - 0,25 l/m<sup>2</sup> lên bề mặt hố để tránh phát tán mùi*). Khi lợn ốm, chết do dịch bệnh thông thường với số lượng lớn; các dịch bệnh chưa rõ nguyên nhân, Chủ trang trại báo ngay cho đơn vị cung cấp giống, cán bộ thú y và các ngành chức năng tại địa phương, các cấp các ngành có liên quan để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được công nhân trong trang trại thu gom vào ít nhất 05 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại theo từng chủng loại có dán nhãn mác đúng quy định đặt tại góc kho chứa chất thải có diện tích 3m<sup>2</sup>. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy bơm, máy phát điện quạt hút...) sử dụng trong trang trại.

- Bố trí chuồng trại xa khu dân cư, trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.

#### 4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Công trình xử lý mùi, khí thải, bụi</b>	
-	Hệ thống các quạt hút	40 cái loại 750W
-	Hệ thống giàn làm mát	04 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi
-	Hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi phía sau quạt hút	01 hệ thống/01 dãy chuồng nuôi.
<b>2</b>	<b>Công trình xử lý nước thải</b>	
-	Bể tự hoại 03 ngăn loại 9,0 m <sup>3</sup> /bể	02 bể
-	Bể tách dầu mỡ 3,0 m <sup>3</sup> /bể	01 bể
-	Hầm Biogas có tổng thể tích 7.756,0 m <sup>3</sup>	01 hầm
-	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	01 hệ thống
-	Ao sinh học	02 ao

-	Hố khử trùng	01 hố
<b>3</b>	<b>Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ CTR</b>	
-	Thùng đựng rác thông thường loại 20lít/thùng	10 cái
-	Thùng đựng CTNH loại 50 lít/thùng	Ít nhất 05 cái
-	Kho chứa chất thải	01 kho
-	Kho chứa phân	01 kho
-	Khu hủy xác lợn chết	01 khu

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

### **5.1. Giám sát chất lượng khí thải:**

- Các chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí

+ **KK: Sau hệ thống xử lý mùi, khí thải tại các chuồng nuôi lợn thịt (chuồng đại diện)**

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc;

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

### **5.2. Giám sát chất lượng nước thải:**

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Tổng P, Coliform, E. Coli.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải tại hố khử trùng trước khi thải ra môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

**5.3. Tần suất giám sát:** 03 tháng/lần.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

- Vận hành đầy đủ, liên tục các công trình xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn trong suốt quá trình hoạt động.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường./.